PHÙNG HỮU LAN
馮友蘭

中國哲学史

Lịch sử TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC

TẬP II
THỜI ĐẠI KINH HỌC

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

LỊCH SỬ
TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC
中國哲學史

·Bản quyền Tiếng Việt thuộc GIA VŨ ©
·Vietnamese Copyright By GIA VŨ Co.,Ltd

PHÙNG HỮU LAN
馮友蘭

☯

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC
中國哲學史

Quyển II:

THỜI ĐẠI KINH HỌC

LÊ ANH MINH *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC

Quyển II: THỜI ĐẠI KINH HỌC

PHÙNG HỮU LAN

LÊ ANH MINH *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
61 Phan Chu Trinh - Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 8256174 - 8255428 - 8249216
CN: 57 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: **8394948**

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. VI QUANG THỌ
Biên tập
TS. KIỀU VIỆT CƯỜNG
Sửa bản in
MAI THỦY
Trình bày
GIA VŨ

Tổ chức liên doanh và giữ bản quyền :

Công ty TNHH TMDV-VH Gia Vũ

In 1000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Xưởng in Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam. Địa chỉ: 265 Nguyễn Văn Đậu – Phường 11 – Quận Bình Thạnh – TP. HCM Giấy phép xuất bản số: 697 – 2006/ CXB/ 23 – 66/ KHXH do Cục Xuất bản cấp ngày 02 – 10 - 2006. In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2007.

THỜI ĐẠI KINH HỌC

CHƯƠNG 1

PHIẾM LUẬN VỀ THỜI ĐẠI KINH HỌC

Các nhà nghiên cứu lịch sử triết học Tây phương thường phân chia lịch sử triết học Tây phương làm ba thời kỳ: Thượng cổ, trung cổ, và cận đại. Điều ấy chẳng phải là một sự phân biệt tuỳ ý, bởi vì trong lịch sử triết học Tây phương mỗi thời kỳ quả thực đều có tinh thần đặc biệt và diện mục đặc thù của nó. Tương tự, lịch sử triết học Trung Quốc nếu chỉ chú ý về phương diện thời kỳ, thì cũng có thể phân chia làm ba thời kỳ: Thượng cổ, trung cổ, và cận đại. Mỗi thời kỳ đều có một nền triết học riêng, nên cũng có thể lấy «thượng cổ, trung cổ, và cận đại» để đặt tên cho chúng. Những danh xưng này cũng được dùng trong quyển sách này. Nhưng từ một phương diện khác mà nói, Trung Quốc quả thực chỉ có triết học thượng cổ và triết học trung cổ, chứ không có triết học cận đại.

Nói rằng Trung Quốc không có triết học cận đại, thì nó không có nghĩa rằng trong thời cận đại Trung Quốc không có triết học. Tuy nhiên, nó nêu ra một sự khác biệt quan trọng giữa Trung Quốc và Tây phương. Trong lịch sử triết học Tây phương, cái gọi là triết học trung cổ và triết học cận đại ngoài sự bất đồng về thời đại phát sinh còn có sự khác biệt rất rõ ràng về tinh thần và diện mục của chúng. Trong lịch sử triết học Tây phương, các hệ thống triết học được thành lập do các triết gia như Plato, Aristotle, v.v... vốn là cốt lõi của nền triết học thượng cổ của họ. Triết học trung cổ phần lớn đã chuyển mình trong các hệ thống này. Trong nền triết học trung cổ ấy có những thành phần mới thuộc về nhân sinh quan và vũ trụ quan của Thiên Chúa giáo. Các triết gia thời ấy cũng không phải là không thường có kiến giải mới, nhưng những thành phần mới và những kiến giải mới này cũng dựa vào các hệ thống triết học cổ đại, dùng những thuật ngữ của triết học cổ đại để diễn đạt. Bình cũ không thể chứa rượu mới. Trong triết học trung cổ của Tây phương không phải hoàn toàn không có rượu

mới, nhưng vì lượng rượu mới này không nhiều hoặc vì nó không quá mới, cho nên nó có thể chứa được trong cái bình cũ của triết học cổ đại. Đến thời hiện đại, tư tưởng con người hoàn toàn biến đổi, các tân triết gia đều trực tiếp quan sát sự thực. Triết học của họ không dựa theo xưa và các thuật ngữ họ dùng phần lớn là tân tạo. Nói cách khác, rượu mới vừa nhiều vừa mới nên cái bình cũ không thể chứa nổi. Cái bình cũ bị phá vỡ và cái bình mới đã thay thế. Đó là lý do tại sao tôi nói rằng trong lịch sử triết học Tây phương cái gọi là triết học trung cổ và triết học cận đại ngoài sự bất đồng về thời đại phát sinh còn có sự khác biệt rất rõ ràng về tinh thần và diện mục của chúng.

Ở quyển I tôi nói về thời đại từ Khổng Tử 孔子 (551-479 TCN) đến Hoài Nam Tử 淮南子 (mất năm 122 TCN) mà tôi gọi là thời đại Tử học (thời đại các học thuyết của các triết gia). Ở quyển II này, tôi nói về thời đại từ Đổng Trọng Thư 董仲舒 (179? -104? TCN) đến Khang Hữu Vi 康有爲 (1858 -1927) mà tôi gọi là thời đại Kinh học (thời đại nghiên cứu kinh điển). Trong thời đại Kinh học, bất kể các kiến giải của các triết gia có mới hay không, thì họ cũng đều phải dựa vào cái danh của triết gia nào đó của thời đại Tử học. Kiến giải của họ cũng phần nhiều là lấy các thuật ngữ trong triết học của thời đại Tử học mà diễn đạt.[1] Thời này, rượu của các triết gia chế tạo – bất kể cũ hay mới – đều rót vào cái bình cũ là triết học cổ đại mà phần lớn là Kinh học; và mãi đến gần đây cái bình cũ ấy mới bắt đầu vỡ ra. Từ phương diện này mà nói, trong lịch sử triết học Trung Quốc, từ Đổng Trọng Thư đến Khang Hữu Vi đều là triết học trung cổ, còn triết học cận đại thì mới manh nha.

Tư tưởng con người đều bị hoàn cảnh tinh thần và vật chất của họ hạn chế. Thời Xuân Thu (722-481) và Chiến Quốc (403 -221), nền chính trị của quý tộc sụp đổ cho nên các phương diện xã hội, kinh tế, chính trị đều biến chuyển tận gốc. Tuy nhiên, khi có sự thống nhất chính trị vào đời Tần (255 -207) và đời Hán (206 TCN -220 CN) thì các trật tự mới về phương diện xã hội và kinh tế đều dần dần yên định. Từ đó về sau, các triều đại tuy lần lượt thay đổi nhưng các phương diện xã hội, kinh tế, chính trị đều không biến chuyển tận gốc. Ở các phương diện này, các thành tựu trong quá khứ đều được bảo tồn; con người cũng ít có hoàn cảnh mới và

[1] **Phùng Hữu Lan chú: Các thuật ngữ trong triết học cổ đại được dùng trong triết học trung cổ của Trung Quốc và Tây phương cũng có thể có ý nghĩa mới mẻ. Nhưng các triết gia trung cổ có những ý nghĩa mới mẻ mà không dùng thuật ngữ mới mẻ để diễn đạt, đó gọi là rót rượu mới vào bình cũ.**

kinh nghiệm mới. Tư tưởng sâu rộng trước đây lại đạt tới trình độ đáng kể, cho nên tư tưởng từ đời Hán về sau không thể không noi theo trước.

Tuy nhiên, trong thời đại Kinh học, tư tưởng Trung Quốc lại có một thành phần hoàn toàn mới mẻ du nhập từ bên ngoài, đó là Phật học. Nhưng cái Phật học mà người Trung Quốc giảng thì cũng là tinh thần của thời trung cổ. Các Phật học gia của Trung Quốc dù bản thân có kiến giải mới mẻ gì thì cũng đều noi theo lời Phật nói mà trình bày kiến giải của mình. Họ phần nhiều cũng lấy những thuật ngữ trong kinh Phật để diễn đạt kiến giải của mình. Phật học mà người Trung Quốc giảng cũng có thể gọi là Kinh học, nhưng kinh điển mà họ dựa vào chính là kinh Phật chứ không phải lục kinh (hay lục nghệ) của Nho gia.

Phật học mà người Trung Quốc giảng chính là thành phần mới mẻ trong lĩnh vực tư tưởng Trung Quốc. Các Kinh học gia đời Tống (960-1279) và đời Minh (1368-1643) cũng đưa Phật học vào Kinh học. Cho nên nói rằng Trung Quốc không có triết học cận đại không có nghĩa là trong thời trung cổ và cận đại tư tưởng Trung Quốc hoàn toàn không có thành phần gì mới, cũng không có nghĩa là các triết gia của thời này về sau hoàn toàn không có kiến giải gì mới. Giòng lịch sử không hề để cho con người sống trong những tình cảnh hoàn toàn đồng nhất. Cho nên từ đời Hán về sau, những nhà giảng Khổng, giảng Lão, giảng Trang, và giảng các triết gia cổ đại khác, đều có lý luận minh xác hơn lý luận gốc của Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, và các triết gia cổ đại ấy. Những sự thực mà họ dựa vào để lý luận thì khá phong phú. Các kiến giải mới của họ cũng ở trong đó. Nơi quyển 1 (tiết 11 của chương 1) tôi có nói rằng lịch sử là tiến bộ; hiện tại câu nói đó vẫn thích hợp. Các kiến giải mới của các triết gia này từ đời Hán về sau đều là rượu mới.

Tuy nhiên, thứ rượu mới này không quá nhiều hoặc không quá mới cho nên nó vẫn còn được chứa trong cái bình cũ của triết học cổ đại (phần lớn là Kinh học). Hơn nữa, cái bình cũ lại có nhiều tính đàn hồi, khi gặp lượng rượu mới nhiều mà nó không thể chứa hết thì tự nó có thể giãnnở ra. Do đó Kinh học vốn là *lục kinh* dần dần gia tăng thành *thập tam kinh*.[2] Trong đó *Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học, Trung Dung* được Tống nho đặc biệt tôn sùng (gọi là *Tứ Thư*) và quyền uy của chúng áp đảo cái

[2] **LAM chú: Lục kinh là: *Thi Kinh, Thượng Thư, Lễ Ký, Nhạc Kinh, Chu Dịch, Xuân Thu.* Thập tam kinh (13 kinh) là: *Thi Kinh, Thượng Thư, Chu Dịch, Chu Lễ, Nghi Lễ, Lễ Ký, Xuân Thu Tả Truyện, Xuân Thu Công Dương Truyện, Xuân Thu Cốc Lương Truyện, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Hiếu Kinh, Nhĩ Nhã.***

mà người đời Hán vốn gọi là lục nghệ.

Trong cái Phật học mà người Trung Quốc giảng phần nhiều có kiến giải mới của người Trung Quốc. Hoàn cảnh vật chất và tinh thần của người Trung Quốc và người Ấn Độ vốn khác nhau, cho nên khi Phật học từ Ấn Độ đến Trung Quốc thì người Trung Quốc dựa theo quan điểm của mình mà chỉnh lý, tuyển chọn, và giải thích nó. Trong khi chỉnh lý, tuyển chọn, và giải thích nó, người Trung Quốc tuỳ thời mà đưa kiến giải mới của mình vào. Ở phương diện này, người Trung Quốc đã chế rượu mới. Nhưng vì thứ rượu mới này không quá nhiều và không quá mới, nên nó cũng được rót vào cái bình cũ Phật học và cái bình cũ này cũng chứa được nó luôn. Thí dụ như học thuyết Thiền Tông là một phát triển có tính chất hết sức cách mạng và hết sức Trung Quốc trong Phật học, nhưng nó cũng phải mượn thuyết «giáo ngoại biệt truyền» mà nói rõ chân ý của Phật. Trường hợp này cũng là bình cũ rượu mới. Cho nên tinh thần của Phật học Trung Quốc cũng là tinh thần trung cổ, và Phật học cũng là một thứ Kinh học.

Triết học thời trung cổ và cận đại phần lớn phải được tìm kiếm trong Kinh học và Phật học của thời đó. Trong thời trung cổ và cận đại, bởi vì Kinh học bất đồng ở các thời kỳ, nên triết học cũng bất đồng. Ta cũng có thể nói rằng bởi vì triết học bất đồng ở các thời kỳ nên Kinh học bất đồng. Mỗi tông phái trong Kinh học và Phật học đều có một thời hưng thịnh riêng. Tư tưởng thời đại Tử học thời thượng cổ thì phát triển khá rõ rệt theo chiều ngang; còn tư tưởng thời đại Kinh học thời trung cổ và cận đại thì phát triển khá rõ rệt theo chiều dọc. Cho nên trong bộ sách này, quyển 1 bao quát thời gian lịch sử hơn 400 năm; còn quyển 2 bao quát hơn 2000 năm. Đó cũng là một điểm khác biệt giữa thời đại Tử học và thời đại Kinh học. Xét tình hình chính trị trong lịch sử Trung Quốc mà nói, trên phương diện tư tưởng cũng phải có hiện tượng đó. Nền chính trị cổ đại chưa được thống nhất, còn từ đời Tần và đời Hán về sau thì nền chính trị Trung Quốc được thống nhất.

Cho đến gần đây, Trung Quốc bất kể ở phương diện nào đều ở trong thời đại trung cổ. Ở nhiều phương diện, Trung Quốc không như Tây phương, bởi vì lịch sử Trung Quốc khuyết mất thời cận đại, và triết học chỉ là một phương diện đặc thù của tình hình chung này. Gần đây cái gọi là sự khác biệt văn hoá giữa Đông và Tây trong nhiều trường hợp thực tế chỉ là sự khác biệt giữa văn hoá trung cổ và văn hoá cận đại. Tại Trung Quốc, tình hình này không phải do người Trung Quốc không thể tiến bộ mà do hành vi và tư tưởng con người cần phải thích ứng với yêu

cầu của hoàn cảnh. Một khi họ phát triển được kiến giải mới thì tự nhiên họ phải bám vào nó cho đến chừng nào nó tiếp tục thích ứng với yêu cầu của hoàn cảnh. Thậm chí khi dần dần có kiến giải mới thì tự nhiên nó bám vào hệ thống cũ. Chừng nào mà cái bình cũ chưa bị vỡ thì rượu mới cứ tiếp tục được rót vào nó. Chỉ khi nào hoàn cảnh biến chuyển dữ dội, các tư tưởng cũ không đủ để thích ứng yêu cầu của thời thế, thì các tư tưởng mới mẻ sẽ theo thời thế mà phát triển rất nhiều và rất mới. Cái bình cũ không thể chứa nổi nên vỡ ra và cái bình mới được thay vào. Sau khi Trung Quốc và Tây phương giao tiếp nhau, các phương diện học thuật, kinh tế, xã hội, chính trị đều biến chuyển tận gốc. Tuy nhiên, suốt thế kỷ XIX khi học thuật Tây phương mới bắt đầu du nhập Trung Quốc, những người Trung Quốc như bọn Khang Hữu Vi đã đưa nó vào Kinh học, mong muốn lấy cái bình cũ để chứa thứ rượu rất mới này. Nhưng phạm vi giãnnở của cái bình cũ đã đến cực điểm, mà rượu thì rất nhiều và rất mới, nên rốt cuộc bình bị vỡ. Cái bình cũ Kinh học bị phá vỡ và thời đại Kinh học trong lịch sử triết học cũng chấm dứt theo.

*